

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm Nitrogen	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)		
Số CAS: 7727-37-9 Số UN: Chưa có thông tin Số đăng ký EC: Chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục quốc gia khác (nếu có)			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Nitrogen	Mã sản phẩm (nếu có)		
- Tên thương mại: Nitrogen			
- Tên khác (không là tên khoa học): Chưa có thông tin			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: Chưa có thông tin	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Tel: + (84)-(241)-3734-670 Fax: + (84)-(241)-3734-671		
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Công ty TNHH TOMOE Việt Nam Lô 10, đường TS27, KCN Tiên Sơn, phường Tân Hồng, thị trấn Từ Sơn, thành phố Bắc Ninh			
- Mục đích sử dụng: Nhiên liệu			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Thành phần 1 Nitrogen	7727-37-9	N_2	100%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			
Thành phần 5 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm: Chưa có thông tin 2. Cảnh báo nguy hiểm - Đễ cháy - Khó thở			

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt : Chưa có thông tin
- Đường thở : Thay đổi nhiệt độ cơ thể, buồn nôn, khó thở, chóng mặt, mất phương hướng
- Đường da Chưa có thông tin
- Đường tiêu hóa Chưa có thông tin
- Đường tiết sữa Chưa có thông tin

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường mắt : Chưa có thông tin
2. Trường hợp tay nạn tiếp xúc trên da : Chưa có thông tin
3. Trường hợp tay nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chưa có thông tin
4. Trường hợp tay nạn theo đường tiêu hóa: Chưa có thông tin
5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy : Không nguy hiểm
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy : Nitrogen oxides
3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Nhiệt độ cao
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Carbon dioxides, bọt. Di chuyển vật chứa ra khỏi khu vực hỏa hoạn, hạ nhiệt độ bằng nước
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Chưa có thông tin
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Chưa có thông tin
2. Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng: Chưa có thông tin

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Thông thoáng
2. Biện pháp điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Thông thoáng

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết : Chưa có thông tin
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc
 - Bảo vệ mắt: Chưa có thông tin
 - Bảo vệ thân thể: Chưa có thông tin
 - Bảo vệ tay: Chưa có thông tin
 - Bảo vệ chân: Chưa có thông tin
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Chưa có thông tin
4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): Chưa có thông tin

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

- Trạng thái vật lý: Khí	Điểm sôi (⁰ C): -196
- Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy (⁰ C): Chưa có thông tin
- Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy (⁰ C) : Chưa có thông tin
- Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: -193 (760 mmHg)	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C): Chưa có thông tin
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: 0.967	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
- Độ hòa tan trong nước: 1.6% (20⁰C)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
- Độ pH: Chưa có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: Chưa có thông tin
- Khối lượng riêng (kg/m ³): Chưa có thông tin	Các tính chất khác nếu có: Chưa có thông tin

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định : Ổn định ở điều kiện thường

2. Khả năng phản ứng:

- **Phản ứng với các nguồn gây cháy**

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người : **Chưa có thông tin**

2. Các ảnh hưởng độc khác: **Chưa có thông tin**

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- **Chưa có thông tin** - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ						
1. Thông tin quy định tiêu hủy: Chưa có thông tin 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Chưa có thông tin 3. Biện pháp tiêu hủy: Chưa có thông tin 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin						
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa	1066	NITROGEN	2.2	<i>Chưa có thông tin</i>	<i>Chưa có thông tin</i>	<i>Chưa có thông tin</i>
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	<i>Chưa có thông tin</i>	<i>Chưa có thông tin</i>	<i>Chưa có thông tin</i>	<i>Chưa có thông tin</i>	<i>Chưa có thông tin</i>	<i>Chưa có thông tin</i>

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. **Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. **Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
3. **Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu; **29/04/2016**

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất;

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo; **Nguyễn Văn Cường**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Hướng dẫn bổ sung:

1. Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
2. Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
3. Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”
4. Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”
5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương xứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định: ví dụ Thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư như theo OSHA,ACGIH...
6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
7. Cách ghi hàm lượng thành phần

Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:

- a). Từ 0,1 – 1 phần trăm;
- b). Từ 0,5 – 1,5 phần trăm;
- c). Từ 1 – 5 phần trăm;
- d). Từ 3 – 7 phần trăm;
- e). Từ 5 – 10 phần trăm;
- f). Từ 7 – 13 phần trăm;
- g). Từ 10 – 30 phần trăm;
- h). Từ 15 – 40 phần trăm;
- I). Từ 30 – 60 phần trăm;
- k). Từ 40 – 70 phần trăm;
- l). Từ 60 – 100 phần trăm.